TÒA ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2017
V/v tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Thị Hằng**
Các hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Văn Tuân**
Ông **Phạm Thuận.**

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 384/2017/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2017, về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 384/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1966; Địa chỉ: 888/20/12 Lạc Long Q, phường T, quận B, thành phố H. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1963 (mất năng lực hành vi dân sự); Địa chỉ: 264/6 đường V, tổ 29, phường T, quận K, thành phố Đ.

- *Người giám hộ cho ông Nguyễn Đức Hóa có ông:* Nguyễn Quang T, sinh năm: 1987; Địa chỉ: 888/20/12 Lạc Long Q, phường T, quận B, thành phố H. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện gửi ngày 06/7/2017 nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Đức H xây dựng gia đình với nhau vào năm 1984, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Đ. Hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1993

thì ông H bị bệnh tâm thần và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay. Hiện nay ông H đang được điều trị tại Trung tâm điều dưỡng người tâm thần thành phố Đ và đã bị tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 12/2013/QĐST-DS ngày 30/9/2013 của Tòa án nhân dân quận K. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức H.

Về quan hệ con chung: Bà M xác định có 3 con chung tên: Nguyễn Quang D, sinh ngày 19/5/1985; Nguyễn Quang T, sinh ngày 27/9/1987; Nguyễn Quang T, sinh ngày 28/8/1992. Hiện tại con chung Nguyễn Quang T đang bị bệnh tâm thần, các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có.

- Bị đơn ông Nguyễn Đức H bị mất năng lực hành vi dân sự, người giám hộ cho ông Nguyễn Đức H có ông Nguyễn Quang T, ngày 07/8/2017 ông Nguyễn Quang T có đơn trình bày và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt với nội dung như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà M xây dựng gia đình với nhau vào năm 1984, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Đ. Hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì ông H bị bệnh tâm thần phân liệt. Vào ngày 30/9/2017, Tòa án nhân dân quận K đã tuyên bố ông H mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 12/2013/QĐST-DS. Từ năm 1998 đến nay ông H đã điều trị tại Trung tâm điều dưỡng người tâm thần thành phố Đ. Hiện nay bà M cùng 02 con chung đã vào thành phố H sinh sống. Nay việc bà M xin ly hôn với ông H, ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về quan hệ con chung: Bà M và ông H có 3 con chung tên: Nguyễn Quang D, sinh ngày 19/5/1985; Nguyễn Quang T, sinh ngày 27/9/1987; Nguyễn Quang T, sinh ngày 28/8/1992. Hiện nay con chung Nguyễn Quang D đang bị tâm thần, các con đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Quang T xác định không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quyết định chấp nhận yêu cầu của bà M, xử cho bà M và ông H được ly hôn. Về quan hệ con chung các con đã trưởng thành nên Viện kiểm sát không đề cập đến. Về tài sản chung và nợ chung bà M xác định không có, người giám hộ ông T xác định không có nên viện kiểm sát không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị M có mặt, người giám hộ ông Nguyễn Quang T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quang T.

[2]Về nội dung: Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Đức H xây dựng gia đình với nhau vào năm 1984, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Đ nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống đến năm 1993 ông Nguyễn Đức H bị bệnh tâm thần phân liệt được điều trị tại Trung tâm điều dưỡng người tâm thần thành phố Đ, cho đến ngày 30/9/2013 ông Nguyễn Đức H được Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đ tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định số 12/2013/QĐST-DS. Từ thời gian đó đến nay vợ chồng ông bà đã sống ly thân nhau, nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Đức H.

Ông Nguyễn Đức H bị bệnh tâm thần, ông Nguyễn Quang T là người giám hộ mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông đã có đơn trình bày phù hợp với lời khai của bà Trần Thị M, trong đơn trình bày ông có ý kiến việc ly hôn của bà Trần Thị M và ông Nguyễn Đức H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị M và ý kiến của ông Nguyễn Quang T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả hai vợ chồng cùng yêu thương thông cảm và chia sẽ công việc gia đình cùng có trách nhiệm giáo dục, nuôi dưỡng con cái. Trường hợp của bà Trần Thị M và ông Nguyễn Đức H, tuy không có mâu thuẫn nhưng ông H đã bị mất năng lực hành vi dân sự, vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 1993 đến nay. Qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định tình trạng hôn nhân của ông bà đúng như lời trình bày của bà Trần Thị M. Hiện nay, bà Trần Thị M đã vào thành phố H sinh sống. Do đó, ly hôn là cách tốt nhất để giải phóng cho bà Trần Thị M, tạo điều kiện để bà Trần Thị M có cuộc sống riêng. Vì vậy, yêu cầu của Nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Trong quá trình tố tụng và trong đơn khởi kiện bà Trần Thị M và ông Nguyễn Quang T đều xác định bà M và ông H có 03 người con chung tên: Nguyễn Quang D, sinh ngày 19/5/1985; Nguyễn Quang

T, sinh ngày 27/9/1987; Nguyễn Quang T, sinh ngày 28/8/1992. Vì các con chung đã trưởng thành nên không đề cập đến.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Quang T đều xác định không có nên Toà án không đề cập giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về việc "Ly hôn" đối với ông Nguyễn Đức H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho bà Trần Thị M được ly hôn ông Nguyễn Đức H.

2. Về quan hệ con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị M và ông Nguyễn Quang T xác định không có nên Toà án không đề cập đến.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm; 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Trần Thị M phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 7394, ngày 17/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà Trần Thị M đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình.

Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hằng

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh khê - Đà Nẵng;
- THADS quận Thanh khê - Đà Nẵng;
- UBND phường Tân Chính, quận Thanh Khê, TPĐN.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh khê - Đà Nẵng;
- THADS quận Thanh khê - Đà Nẵng;
- UBND phường Tân Chính, quận Thanh Khê, TPĐN.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Thị Hằng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND quận Thanh khê - Đà Nẵng;
- THADS quận Thanh khê - Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Thị Hằng